

Số: 2655/QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ
Quỹ gen cấp Quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững
nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2017/TT-BKHHCN;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-BKHHCN ngày 24/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng KH&CN tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Quỹ gen cấp quốc gia thực hiện từ năm 2021;

Xét kết quả làm việc của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng bảy (07) nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quỹ gen cấp Quốc gia lĩnh vực chăn nuôi thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 bắt đầu thực hiện từ năm 2021.

(Chi tiết 07 nhiệm vụ trong phụ lục kèm theo).

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện
2.	Khai thác và phát triển nguồn gen lợn Mường Tè tại một số tỉnh vùng Tây Bắc	Khai thác và phát triển có hiệu quả nguồn gen lợn Mường Tè	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân và đàn sản xuất lợn Mường Tè. - 01 quy trình chọn lọc đàn hạt nhân lợn Mường Tè. - 01 quy trình chăn nuôi lợn Mường Tè sinh sản. - 01 quy trình chăn nuôi lợn Mường Tè thương phẩm. - Đàn hạt nhân: 60 nái và 6 đực (01 cơ sở chăn nuôi) có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; số con cai sữa/nái/năm $\geq 13,0$ con. - Đàn sản xuất: 150 nái có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống, trong đó có 01 cơ sở chăn nuôi ≥ 50 nái; số con cai sữa/nái/năm $\geq 12,0$ con. - Đàn thương phẩm: 400 con/2 tỉnh/năm, trong đó có 01 cơ sở chăn nuôi ≥ 200 con; Các chỉ tiêu: khối lượng lúc 8 tháng tuổi ≥ 50 kg/con; tăng khối lượng ≥ 235 g/con/ngày; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 4,2$ kg; tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$. - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. 	Tuyển chọn
3.	Khai thác và phát triển ong mật không ngòi đốt (Apidae: Meliponini) tại một số tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc	Khai thác và phát triển hiệu quả ong mật không ngòi đốt (Apidae: Meliponini) tại một số tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của ong mật không ngòi đốt (Apidae: Meliponini). - Báo cáo đánh giá đặc điểm di truyền nguồn gen ong mật không ngòi đốt (Apidae: Meliponini). - 100 đàn ong hạt nhân (tại 1-2 điểm), năng suất mật $\geq 0,6$ kg/đàn/năm. - 03 mô hình (300 đàn) tại 3 tỉnh, năng suất mật $\geq 0,5$ kg/đàn/năm. - Báo cáo đánh giá chất lượng mật ong (chất kháng khuẩn, hàm lượng nước, các loại đường đơn, tổng lượng đường chuyển hóa). - Tiêu chuẩn cơ sở của đàn hạt nhân và đàn sản xuất ong mật không ngòi đốt (Apidae: Meliponini). 	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> - 01 quy trình chọn lọc đàn hạt nhân ong mật không ngòi đốt (Apidae: Meliponini). - 01 quy trình kỹ thuật nuôi ong mật không ngòi đốt (Apidae: Meliponini). - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. 	
4.	Khai thác và phát triển nguồn gen trâu Thanh Chương tại vùng Đông Bắc và Bắc Trung bộ	Khai thác và phát triển có hiệu quả nguồn gen trâu Thanh Chương	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của trâu Thanh Chương. - Báo cáo đánh giá đặc điểm di truyền nguồn gen trâu Thanh Chương. - Tiêu chuẩn cơ sở đàn sản xuất trâu Thanh Chương. - 01 quy trình tuyển chọn trâu Thanh Chương đàn sản xuất. - 01 quy trình chăn nuôi trâu Thanh Chương sinh sản. - 01 quy trình chăn nuôi trâu Thanh Chương thương phẩm. - Đàn sản xuất: 100 con cái sinh sản có ngoại hình đặc trưng, khối lượng sơ sinh ≥ 25 kg; khối lượng trưởng thành ≥ 430 kg/con; tuổi đẻ lứa đầu ≤ 46 tháng, khoảng cách lứa đẻ ≤ 18 tháng. - Đàn thương phẩm: 200 con/05 mô hình/2 tỉnh, khối lượng 24 tháng tuổi ≥ 330 kg, tăng khối lượng giai đoạn 13-24 tháng tuổi ≥ 600 g/con/ngày. - 03 trâu đực giống: khối lượng trưởng thành ≥ 700 kg/con; Sản xuất được 9.000 liều tinh cọng rạ, hoạt lực tinh trùng sau giải đông $\geq 40\%$, tỷ lệ phối giống có chửa $\geq 55\%$. - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. 	Tuyển chọn



TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện
II	Dự án SXTN			
5.	Sản xuất thử nghiệm giống vịt Kỳ Lừa tại một số tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc	Hoàn thiện được quy trình chăn nuôi và phát triển vịt Kỳ Lừa ra sản xuất có hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> - 01 quy trình chăn nuôi vịt Kỳ Lừa sinh sản (mức năng lượng và phương thức nuôi thích hợp). - 01 quy trình chăn nuôi vịt Kỳ Lừa thương phẩm (mức năng lượng và phương thức nuôi thích hợp). - Đàn sản xuất: 1.000 mái sinh sản có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; tuổi đẻ: 24 - 25 tuần; năng suất trứng: 135 quả/mái/năm; tỷ lệ phôi $\geq 90\%$; tỷ lệ ấp nở $\geq 80\%$/phôi. - Đàn thương phẩm: 9.000 con/3 mô hình/2 tỉnh/năm; khối lượng kết thúc 12 tuần tuổi ≥ 1.900 gr/con; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 2,9$ kg; tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$. - 01 chuỗi chế biến thịt vịt đảm bảo an toàn thực phẩm. - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. - Có sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng mô hình. 	Tuyển chọn
6.	Sản xuất thử nghiệm giống gà H'Re tại một số tỉnh vùng Bắc Trung bộ	Xây dựng được quy trình chăn nuôi và phát triển gà H'Re ra sản xuất có hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân và đàn sản xuất gà H'Re. - 01 quy trình chọn lọc đàn hạt nhân gà H'Re. - 01 quy trình chăn nuôi gà H'Re sinh sản. - 01 quy trình chăn nuôi gà H'Re thương phẩm. - Đàn hạt nhân: 300 mái sinh sản (01 cơ sở chăn nuôi) có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; tuổi đẻ: 21-22 tuần; năng suất trứng ≥ 65 quả/mái/năm; tỷ lệ phôi $\geq 90\%$; tỷ lệ ấp nở $\geq 80\%$/phôi. 	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> - Đàn sản xuất: 1.000 mái sinh sản có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; tuổi đẻ: 21 - 22 tuần; năng suất trứng ≥ 60 quả/mái/năm; tỷ lệ phôi $\geq 90\%$; tỷ lệ ấp nở $\geq 80\%$/phôi. - Đàn thương phẩm: 9.000 con/3 mô hình/2 tỉnh/năm; khối lượng kết thúc 16 tuần tuổi ≥ 1.200 gr/con; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 3,5$ kg; tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$. - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. - Có sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng mô hình. 	
7.	Sản xuất thử nghiệm giống lợn Xao Va tại một số tỉnh vùng Bắc Trung bộ	Hoàn thiện được quy trình chăn nuôi và phát triển lợn Xao Va ra sản xuất có hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> - 01 quy trình chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản (thời gian cai sữa thích hợp; mức năng lượng, protein thích hợp; khẩu phần thức ăn tự phối trộn và chế độ ăn thích hợp). - 01 quy trình chăn nuôi lợn Xao Va thương phẩm (mức năng lượng, protein thích hợp; khẩu phần thức ăn tự phối trộn và chế độ ăn thích hợp). - Đàn hạt nhân: 40 nái và 4 đực (01 cơ sở chăn nuôi) có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; số con cai sữa/nái/năm $\geq 12,0$ con. - Đàn sản xuất: 150 nái có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống, trong đó có 01 cơ sở chăn nuôi ≥ 50 nái; số con cai sữa/nái/năm $\geq 11,5$ con. - Đàn thương phẩm: 800 con/4 mô hình/2 tỉnh/năm, trong đó có tối thiểu 01 cơ sở chăn nuôi ≥ 200 con; Các chỉ tiêu: khối lượng lúc 8 tháng tuổi ≥ 25 kg/con; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 4,5$ kg; tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$. - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. - Có sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng mô hình. 	Tuyển chọn

